

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN HẢI LĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/NQ-HĐND

Hải Lăng, ngày 20 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050; trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

- Phạm vi quy hoạch: được xác định theo địa giới hành chính huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (gồm 01 thị trấn - thị trấn Diên Sanh và 15 xã: xã Hải An, xã Hải Khê, xã Hải Ba, xã Hải Quế, xã Hải Dương, xã Hải Quy, xã Hải Hưng, xã Hải Định, xã Hải Phong, xã Hải Phú, xã Hải Thượng, xã Hải Lâm, xã Hải Trường, xã Hải Sơn, và xã Hải Chánh) với tổng diện tích tự nhiên 42.736,61 ha, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp biển Đông.

- Phía Tây: Giáp huyện Đakrông.
- Phía Nam: Giáp huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Phía Bắc: Giáp huyện Triệu Phong và thị xã Quảng Trị.

## **2. Mục tiêu phát triển:**

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng tỉnh Quảng Trị thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của huyện, các tiềm năng về công nghiệp, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan để tạo bước tăng trưởng kinh tế; sớm trở thành huyện trọng điểm về công nghiệp của tỉnh vào năm 2030, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng tỉnh Quảng Trị phát triển giàu mạnh.

- Xây dựng huyện Hải Lăng đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023; xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao vào giai đoạn 2025-2030; phát triển huyện Hải Lăng trở thành thị xã Hải Lăng trước năm 2040, đạt đô thị loại IV, định hướng đến năm 2050 đạt đô thị loại III.

- Thiết lập các vùng kinh tế động lực, vùng đô thị hóa tập trung, các cơ sở kinh tế-xã hội (như khu công nghiệp, du lịch, hệ thống hạ tầng xã hội,...) khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật chủ yếu cấp tỉnh, cấp huyện là hạt nhân phát triển kinh tế-xã hội của cả huyện theo hướng cân bằng và bền vững.

- Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị - nông thôn vùng huyện, xác định tính chất quy mô của hệ thống đô thị, lập kế hoạch cải tạo nâng cấp, xây mới, phân loại đô thị,...

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng, lập chương trình, kế hoạch triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện.

## **3. Vai trò và vị thế của vùng:**

- Là vùng phát triển kinh tế tổng hợp: công nghiệp - xây dựng; thương mại, dịch vụ du lịch (công nghiệp, sinh thái, biển), nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; Trong đó, lấy phát triển công nghiệp làm điểm nhấn cho phát triển kinh tế của huyện.

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam của tỉnh Quảng Trị.

- Là vùng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; có tiềm năng khai thác phát triển du lịch của tỉnh, phát triển các loại hình du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên gắn với hệ thống di tích lịch sử, hỗ trợ, đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của tỉnh nói chung và từng đơn vị hành chính nói riêng.

## **4. Các dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển**

### **4.1. Dự báo phát triển kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2020-2030 đạt 13,8%; Giai đoạn 2030-2040 đạt khoảng 13,0%; Giai đoạn 2040-2050 đạt khoảng 9,5%.

- Quy mô nền kinh tế gấp khoảng 30 lần trong giai đoạn 30 năm.

#### 4.2. Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa

- Dân số hiện trạng năm 2020 là 78.410 người; Tỷ lệ đô thị hóa là 11,15%;
- Đến năm 2030 là khoảng 100.000 người; Tỷ lệ đô thị hóa là 41%;
- Đến năm 2040 là khoảng 128.500 người; Tỷ lệ đô thị hóa là 59%;
- Đến năm 2050 là khoảng 154.000 người; Tỷ lệ đô thị hóa là 70%;

#### 4.3. Dự báo lao động

- Dự báo tỷ lệ lao động đến năm 2030 là khoảng 57%;
- Dự báo tỷ lệ lao động đến năm 2040 là khoảng 62%;
- Dự báo tỷ lệ lao động đến năm 2050 là khoảng 67%;

#### 4.4. Dự báo về sử dụng đất

- Tăng diện tích đất phi nông nghiệp do quá trình đô thị hóa, thành lập các đô thị và khu chức năng mới, tăng diện tích xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Giảm diện tích đất nông nghiệp và nông thôn do chuyển đổi đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp và quá trình đô thị hóa nông thôn. Giảm diện tích đất chưa sử dụng do tăng cường khai thác quỹ đất chưa sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Dự báo diện tích đất xây dựng đô thị: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị (hoặc đất nội thành, nội thị khi thành lập thị xã Hải Lăng) đến năm 2030 là khoảng 4.100 ha; Đến năm 2040 là khoảng 7.500 ha; Đến năm 2050 là khoảng 10.800 ha.

- Dự báo diện tích đất xây dựng các Khu Kinh tế (KKT), Khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN):

+ Diện tích xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị thuộc địa bàn huyện Hải Lăng là khoảng 92,38 km<sup>2</sup>.

+ Tổng diện tích đất xây dựng các KCN, CCN đến năm 2030 là khoảng 3.000 ha, duy trì phát triển đến các giai đoạn 2040, 2050 theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

### 5. Định hướng phát triển không gian vùng:

#### 5.1. Mô hình phát triển

Phát triển không gian vùng huyện Hải Lăng phát triển đa dạng, phù hợp đặc điểm tự nhiên và vị trí địa lý của 03 vùng sinh thái: vùng gò đồi, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

- Vùng gò đồi: bao gồm phần phía Tây của các xã, thị trấn: Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Chánh và thị trấn Diên Sanh.

- Vùng đồng bằng: bao gồm các xã Hải Quy, Hải Hưng, Hải Định, Hải Phong, phần phía Đông của các xã Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn, Hải Chánh, thị trấn Diên Sanh và phần phía Tây của các xã Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương.

- Vùng ven biển: bao gồm các xã Hải An, Hải Khê và phần phía Đông của các xã Hải Ba, Hải Quế và Hải Dương.

#### 5.2. Vùng phát triển đô thị

- Giai đoạn đến năm 2025:
  - + Phát triển đô thị Diên Sanh hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện;
  - + Đô thị mới La Vang hoàn thành Quy hoạch chung đô thị mới, từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu hướng tới đạt một số tiêu chí đô thị loại V.
- Giai đoạn đến năm 2030:
  - + Phát triển đô thị Diên Sanh hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, hướng tới đạt một số tiêu chí của đô thị loại IV, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện;
  - + Đô thị mới La Vang cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại V, đô thị động lực phía Bắc cho thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, nông nghiệp công nghệ cao; có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh;
  - + Đô thị mới Mỹ Thủy cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại V, đô thị động lực phía Đông cho phát triển du lịch, nghỉ dưỡng biển;
  - + Đô thị mới Mỹ Chánh cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại V, đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ cho khu vực phía Nam.
- Giai đoạn đến năm 2040:
  - + Phát triển đô thị Diên Sanh trở thành đô thị loại IV;
  - + Đô thị mới La Vang là đô thị loại V; phát triển theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;
  - + Đô thị mới Mỹ Thủy là đô thị loại V;
  - + Đô thị mới Mỹ Chánh là đô thị loại V;
  - + Trong giai đoạn này, phát triển huyện Hải Lăng thành thị xã Hải Lăng với 8/16 đơn vị hành chính cấp xã là phường, bao gồm các phường: phường Diên Sanh, phường Hải Phú, phường Hải Thượng, phường Hải Định, phường Hải Hưng, phường Hải An, phường Hải Khê và Phường Hải Chánh (*được nâng cấp lên từ các xã và thị trấn cùng tên*). Các xã còn lại là các xã ngoại thị của thị xã Hải Lăng.
- Đến năm 2050: Hoàn thiện các tiêu chí của thị xã Hải Lăng, nâng cấp đô thị lên đô thị loại III, phát triển đô thị theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

### 5.3. *Vùng phát triển trung tâm xã, các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các điểm dân cư nông thôn*

#### a. *Vùng phát triển trung tâm xã*

- Đến năm 2030: Tại các xã không sáp nhập, khu vực trung tâm xã sẽ được giữ nguyên và phát triển mở rộng dựa trên hạt nhân là khu vực trung tâm xã hiện hữu.
- Đến năm 2040, tại các xã sát nhập như Hải Định, Hải Phong, Hải Hưng, khu vực phát triển trung tâm xã được định hướng trong Quy hoạch vùng huyện. Khu trung tâm xã bao gồm các công trình công cộng (y tế, giáo dục, văn hóa, hành chính...) các công trình thương mại dịch vụ tổng hợp (cây xăng, điểm dừng nghỉ, buôn bán...), các khu vực phát triển dân cư mới... Mỗi khu vực trung tâm có diện tích từ 20-50 ha.

- Đến năm 2050: hoàn thiện đầu tư kết cấu hạ tầng các trung tâm xã đồng bộ theo hướng bền vững, đạt chuẩn trung tâm cấp phường.

#### b. *Vùng phát triển các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các điểm dân cư nông thôn*

- Đến năm 2030: Vùng phát triển các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các điểm dân cư nông thôn cơ bản được thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất huyện Hải Lăng đến năm 2030 và các đồ án quy hoạch khác đã được phê duyệt. Tại các xã sáp nhập, một phần vùng phát triển dân cư nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở các trung tâm xã được quy hoạch mới.

- Đến năm 2040: Hoàn thiện các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các điểm dân cư nông thôn đã được định hướng trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện hệ thống các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn và các điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hóa, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### 5.4. Vùng phát triển công nghiệp:

- Đến năm 2030:

+ Hoàn thành kết cấu hạ tầng 02 Cụm công nghiệp Hải Thượng và Cụm công nghiệp Hải Chánh.

+ Hoàn thành kết cấu hạ tầng giai đoạn 1 và giai đoạn 2, Khu công nghiệp Quảng Trị, huyện Hải Lăng (VSIP).

+ Thành lập các cụm công nghiệp mới: Cụm CN Thượng Lâm, Cụm CN Diên Sanh 2, Cụm CN khu vực ngã 5.

+ Hình thành Khu công nghiệp phía Tây Nam Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP) với quy mô diện tích khoảng 2.200 ha, có ranh giới từ Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP) đến giáp ranh giới tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn.

- Đến năm 2040: Hoàn thành kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Trị, huyện Hải Lăng (VSIP); từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp phía Tây Nam Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP); hoàn thành việc di dời CCN Diên Sanh lên CCN Diên Sanh 2.

- Đến năm 2050: Hoàn thành các định hướng quy hoạch về công nghiệp, tiếp tục khai thác ngành công nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

#### 5.5. Vùng phát triển Khu Kinh tế:

Tiếp tục thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị theo quy hoạch chung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1936/QĐ-TTg ngày 11/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch chung theo định hướng mới (hiện nay đang trong quá trình đề xuất Ý tưởng điều chỉnh Quy hoạch chung).

#### 5.6. Vùng phát triển du lịch:

- Du lịch bao gồm:

+ Vùng du lịch biển;

+ Vùng du lịch cảnh quan thiên nhiên, kết hợp với rừng và các hồ, thác;

+ Vùng du lịch ven sông;

+ Vùng du lịch di tích lịch sử.

- Đến năm 2030: Cơ bản thực hiện quy hoạch tất cả các điểm dự kiến phát triển du lịch để chuẩn bị cho giai đoạn đầu tư xây dựng. Các điểm du lịch đã được phê duyệt quy hoạch cần tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác theo định

hướng đã đề ra, các điểm dự kiến phát triển du lịch có tiềm năng và thuận lợi lớn sẽ được đầu tư xây dựng bước đầu trong giai đoạn này.

- Đến năm 2040: Trên cơ sở các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn trên cơ sở tình hình phát triển của ngành du lịch.

- Định hướng đến năm 2050: cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch cho toàn huyện, tiếp tục khai thác du lịch theo hướng thân thiện với môi trường, bền vững.

#### 5.7. Vùng bảo tồn:

- Vùng bảo tồn gồm có:

+ Vùng bảo tồn hệ sinh thái: gồm rừng phòng hộ và khu vực hệ sinh thái đầm lầy chứa than bùn, hệ sinh thái ngập nước.

+ Vùng bảo vệ đê sông, đê biển, hệ thống công trình thủy lợi, nguồn nước.

+ Vùng bảo vệ các di tích lịch sử.

- Đến năm 2030: Thống kê, khoanh vùng các khu vực bảo tồn, xây dựng các quy chế để bảo tồn và phát huy các giá trị của khu vực.

- Đến năm 2040, định hướng đến năm 2050: Trên cơ sở các khu vực bảo tồn và các quy chế đã xây dựng trong giai đoạn trước, phát huy các giá trị của các khu vực bảo tồn theo hướng bền vững.

#### 5.8. Định hướng phát triển nông nghiệp:

- Phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hữu cơ, bền vững, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thực hiện có hiệu quả việc “tích tụ ruộng đất” để mở rộng quy mô sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và cơ giới hóa, hiện đại hóa vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân giai đoạn 2022 - 2050 đạt 3-4%. Tốc độ tăng giá trị gia tăng đạt trên 4%/năm; tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm khoảng 30% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

#### 5.9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

##### a. Hệ thống hạ tầng giáo dục

- Giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề: Đến năm 2040, tiếp tục đầu tư, mở rộng trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện, phát triển theo quy mô phù hợp với nhu cầu đào tạo lực lượng lao động thực tế.

- Giáo dục trung học phổ thông: Đến năm 2040, mở rộng Trường THPT Hải Lăng, xây dựng mới các Trường THPT tại các đô thị mới La Vang, Mỹ Thủy, nâng cấp Trường THPT Bùi Dục Tài; quy mô được xác định theo dân số đô thị trong từng thời kỳ; vị trí các trường được quy định và được định hướng tại đồ án quy hoạch chung đô thị.

- Các công trình giáo dục cấp Mầm non, TH, THCS thực hiện theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã NTM, quy hoạch chung đô thị.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng giáo dục đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị xã, duy trì và phát triển có hiệu quả, bền vững.

##### b. Hệ thống hạ tầng văn hóa

- Đến năm 2030: Hoàn thành 100% các xã, thị trấn có Trung tâm văn hóa -

Thể thao và 100% các thôn; không có nhà Văn hóa - khu Thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cải tạo, nâng cấp trung tâm văn hóa thể thao huyện tại thị trấn Diên Sanh, xây dựng 1-2 công trình văn hóa (Nhà văn hóa, nhà thiếu nhi) tại các đô thị mới (La Vang, Mỹ Chánh, Mỹ Thủy).

- Đến năm 2040: xây dựng thêm 1-2 công trình văn hóa (Nhà văn hóa, nhà thiếu nhi) tại thị trấn Diên Sanh. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp công trình văn hóa tại các xã, thị trấn theo quy hoạch chung xây dựng xã NTM, quy hoạch chung đô thị; Các công trình văn hóa cấp xã thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã NTM.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng văn hóa đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị xã, duy trì và phát triển có hiệu quả, bền vững.

#### *c. Hệ thống hạ tầng thể dục thể thao*

Đến năm 2030, cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện tại thị trấn Diên Sanh, xây dựng 1-2 công trình thể thao (sân vận động, sân thể thao cơ bản) tại các đô thị mới (La Vang, Mỹ Chánh, Mỹ Thủy).

Đến năm 2040: xây dựng thêm 1-2 công trình thể thao (Sân thể thao cơ bản) tại thị trấn Diên Sanh. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp công trình thể thao tại các xã, thị trấn theo quy hoạch chung xã, thị trấn.

Các công trình thể thao cấp xã thực hiện theo quy hoạch chung xã.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng thể thao đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị xã, duy trì và phát triển có hiệu quả, bền vững.

#### *d. Hệ thống hạ tầng y tế*

- Đến năm 2030: đầu tư cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện.

- Đến năm 2040:

+ Bệnh viện đa khoa: đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa huyện Hải Lăng tại đô thị Diên Sanh với quy mô phù hợp với dân số từng thời kỳ, vị trí được quy định tại đồ án quy hoạch chung đô thị Diên Sanh.

+ Phòng khám đa khoa (hoặc trung tâm y tế): đầu tư xây dựng mới phòng khám đa khoa (hoặc trung tâm y tế) tại các đô thị mới, diện tích được xác định theo dân số đô thị trong từng thời kỳ, vị trí được quy định tại đồ án quy hoạch chung đô thị.

- Trạm y tế: đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới tối thiểu 01 trạm y tế/xã (thị trấn) phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã NTM, quy hoạch chung đô thị.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng y tế đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị xã, duy trì và phát triển có hiệu quả, bền vững.

#### *e. Hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ*

- Đến năm 2030:

+ Định hướng phát triển hạ tầng thương mại - dịch vụ cấp đô thị: trên cơ sở định hướng phát triển 04 đô thị của huyện (thị trấn Diên Sanh, đô thị mới La Vang, đô thị mới Mỹ Chánh và đô thị mới Mỹ Thủy), thu hút đầu tư 04 siêu thị (hạng II và hạng III) gắn với 01 khu vực đô thị Diên Sanh và 03 khu vực đô thị mới được định hướng tại đồ án quy hoạch chung đô thị mới.

+ Hoàn thành quy hoạch các Khu đô thị - dịch vụ công nghiệp xung quanh dự án VSIP, quy mô khoảng 200 ha. Trong đó: Khu thương mại - dịch vụ thị trấn Diên Sanh 13,9ha (sát đường Quốc lộ 15D); Khu đô thị - dịch vụ và dân cư xã Hải

Trường diện tích khoảng 60ha (cạnh Khu tái định cư VSIP, khu vực xã Hải Trường); Khu thương mại - dịch vụ - nhà ở chuyên gia - nhà ở công nhân phục vụ Khu công nghiệp Quảng Trị diện tích khoảng 135 ha (cạnh khu Tái định cư VSIP, khu vực xã Hải Lâm).

+ Tổ chức lập quy hoạch các điểm thương mại - dịch vụ kết hợp với các công trình công cộng (các xã sáp nhập) và các điểm dân cư nông thôn với quy mô khoảng 20-30 ha, giai đoạn đầu có thể thực hiện 5-10 ha bao gồm: Điểm thương mại - dịch vụ Hải Dương (Ngã tư Quốc lộ 49C với đường Dương Khê), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Quế (Ngã tư Quốc lộ 49C với ĐT582), Điểm thương mại - dịch vụ Quế Dương (Ngã tư Quốc lộ 49C với đường ĐT582B), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Ba (Ngã tư Quốc lộ 49C với đường QH1), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Hưng (Ngã tư đường Xuân - Quy - Vĩnh với đường QH1), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Định (Ngã tư ĐH62B với đường ĐT582), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Phong (Ngã tư ĐH56A với đường Dương Khê nối dài), Điểm thương mại - dịch vụ Hải Thượng (Ngã tư Quốc lộ 1A với đường ĐH50).

- Đến năm 2040, định hướng đến năm 2050: Trên cơ sở các điểm thương mại - dịch vụ đã được thành lập, tiếp tục thực hiện các giai đoạn sau để hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, ổn định các hoạt động kinh tế - xã hội.

#### 5.10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

##### a. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

- Mạng lưới đường bộ:

+ Đường Quốc lộ, cao tốc: thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Đường tỉnh, đường huyện: thực hiện theo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đồng thời phát triển và mở rộng theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong các thời kỳ tiếp theo.

+ Các tuyến đường khác: thực hiện theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

- Mạng lưới đường sắt: thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Mạng lưới cảng biển: thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường thủy: thực hiện theo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

##### b. Định hướng san nền

- Cao độ xây dựng khống chế các khu vực phải được lựa chọn trên cơ sở khoa học, phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên của từng khu vực. Có hệ thống thoát nước mặt hoàn chỉnh và phải đảm bảo thoát hết nước mặt trên toàn lưu vực ra các trục tiêu.

- Đặc biệt đối với khu vực ven sông, ven biển cần kết hợp với các giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, các ảnh hưởng của lũ lụt, ngập úng, triều cường, mực nước biển dâng.

- Đối với các khu xây dựng ven biển được chống lũ bằng đê thì tuyến đê biển



cần thiết kế phù hợp và gắn kết hài hoà với không gian phân khu xây dựng.

- Hạn chế chọn đất xây dựng đô thị tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, nước biển dâng...

*c. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước mưa*

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng dựa trên nguyên tắc phù hợp với địa hình như nhiên của các vùng địa hình. Đảm bảo hệ thống thoát nước mưa được xây dựng đồng bộ, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và phù hợp với hệ thống các quy hoạch.

- Tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp: Lựa chọn hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Tại các khu trung tâm xã, dân cư tập trung sử dụng hệ thống thoát nước chung.

*d. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước*

- Tổng nhu cầu sử dụng nước dự báo đến năm 2040 và 2050 là 225.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn nước: lấy từ các nguồn NMN Hải Lăng, NMN thị xã Quảng Trị, NMN Nam Thạch Hãn, NMN Hải Sơn, NMN Hải Chánh, NMN sông Nhùng.

- Đến năm 2040, công suất của các NMN đạt: NMN Hải Lăng: 6.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, NMN Nam Thạch Hãn: 100.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, NMN Sông Nhùng: 50.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, NMN Hải Chánh: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, NMN Hải Sơn: 15.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

*e. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện*

- Tổng nhu cầu sử dụng điện dự báo đến năm 2040 và 2050 là khoảng 1.440MW.

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện từ trạm Diên Sanh 220/110KV - 2x25MVA. Trạm 110 kV Diên Sanh nhận điện từ trạm 220 kV Đông Hà và trạm 220 kV Phong Điền qua 2 đường dây 110 kV mạch đơn lần lượt dài khoảng 22 km và 15 km.

+ Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị 1 công suất 1.320MW. Nhà máy được phê duyệt quy hoạch trong Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh).

+ Nhà máy điện khí 340MW do công ty Gazprom làm chủ đầu tư. Nhà máy được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhà máy dự kiến vận hành trong giai đoạn 2026-2030.

+ Nhà máy điện LNG Hải Lăng (giai đoạn 1 công suất 1.500MW), vận hành vào giai đoạn đến năm 2030.

- Giải pháp cấp điện:

Giai đoạn 2021-2025:

+ Xây dựng mới trạm 500kV KKT Đông Nam Quảng Trị trong khu vực nhà máy điện công suất 2x450MVA. Đường dây 500kV mạch kép chạy từ Nhà máy - điếm rẽ trên tuyến 500kV Bắc Nam dài 26km.

+ Xây dựng mới trạm 220kV Đông Nam Quảng Trị, quy mô công suất 250MVA, điện áp 220/110kV.

+ Xây dựng mới trạm 110/22kV Mỹ Thủy (xã Hải Quế) quy mô công suất 2x40MVA, điện áp 110/22KV.

Giai đoạn 2026-2040:

+ Sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp Đông Hà công suất 220/110kV - 2x125kVA. Khi tổ máy của Nhà máy điện trong cảng phát điện lên lưới 500kV và 220kV, có thể sử dụng nguồn điện của Nhà máy. Đường dây 220kV chạy từ Nhà máy đến điểm rẽ nhánh của tuyến Huế - Đông Hà - Đồng Hới chiều dài 20km.

+ Xây dựng mới trạm 220kV Đông Nam Quảng Trị, quy mô công suất 250MVA, điện áp 220/110kV. Giai đoạn sau năm 2030 nâng cấp lên 2x250MVA.

+ Xây dựng mới đường dây 220kV từ trạm 220kV Đông Nam - Triệu Trạch 2, dây ACSR400, 1 mạch, dài 8km.

+ Nâng công suất 2 trạm 110kV Mỹ Thủy (xã Hải Quế) từ công suất 2x40MVA lên 2x63MVA, điện áp 110/22kV.

+ Nâng công suất trạm 110kV Diên Sanh từ 2x25MVA lên 2x40MVA, điện áp 110/22kV.

+ Xây dựng 02 Trạm biến thế 110/22kV công suất 2x63 MVA cấp điện chuyên dùng cho Khu công nghiệp Quảng Trị. Bên cạnh đó, để dự phòng phát triển phụ tải trong tương lai, 02 Trạm biến thế 110/22kV được thiết kế cho công suất 2x63 MVA với quy mô 0,5-1,0ha nhằm đảm bảo khả năng mở rộng, lắp thêm máy biến áp đáp ứng nhu cầu phụ tải Khu công nghiệp Quảng Trị.

*f. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc*

- Đảm bảo độ tin cậy: dịch vụ thông tin liên lạc được đảm bảo chất lượng sẵn sàng phục vụ trong các hoàn cảnh khác nhau.

- Đảm bảo khả năng mở rộng và công năng đầy đủ.

- Có khả năng thích ứng với các yêu cầu tương lai nhưng phải tương thích với hạ tầng mạng đã có.

- Đảm bảo thoả mãn tiêu chuẩn kết nối, lắp đặt và khai thác bảo dưỡng của quốc gia và quốc tế.

- Tiến tới ngầm hoá hạ tầng mạng ngoại vi nhằm đảm bảo an toàn mạng, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo mỹ quan đô thị. Cấp nổi cần được bó gọn, loại bỏ cấp thừa.

- Xây dựng hạ tầng viễn thông làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử trên địa bàn huyện, phục vụ tốt phòng chống thiên tai, an ninh quốc phòng.

*g. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải*

- Tổng lượng nước thải phát sinh dự kiến đến năm 2040 là khoảng 13.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đến năm 2050 là 14.700 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Mỗi đô thị có 01 khu xử lý nước thải riêng. Đối với các khu vực xây dựng đô thị. Các công trình phân tán độc lập như bệnh viện, khu công nghiệp tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước và các trạm xử nước thải riêng tùy theo chức năng cụ thể của từng đô thị, khu dân cư.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: xây dựng nhà vệ sinh tự hoại hợp quy

cách, có đường cống thoát nước ra ngoài hệ thống cống, mương thoát nước chung. Tận dụng các khu vực trũng, ao hồ sẵn có để làm sạch tự nhiên. Tại các khu vực chăn nuôi nhiều gia súc, gia cầm khuyến khích xây dựng hệ thống bể Biogas thu khí làm chất đốt trong sinh hoạt.

*h. Định hướng phát triển hệ thống xử lý chất thải rắn*

- Tổng lượng rác thải phát sinh dự kiến đến năm 2040 là khoảng 1.890 tấn/ngày.đêm và đến năm 2050 là khoảng 1.920 tấn/ngày. đêm.

- Xây dựng bãi xử lý chất thải rắn theo hình thức chôn lấp tại xã Hải Trường và một bãi xử lý chất thải rắn công nghệ cao tại xã Hải Sơn.

*k. Định hướng phát triển hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng*

- Quy mô các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

+ Đô thị Diên Sanh: Định hướng Quy hoạch xây dựng 01 nghĩa trang công viên chung cho đô thị và toàn huyện, bao gồm cả công trình nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường.

+ Đô thị mới La Vang: Quy hoạch mở rộng nghĩa trang hiện trạng tại thôn Long Hưng; Quy hoạch mới nghĩa trang thôn Phú Hưng ở phía Tây hồ Miệu Duệ.

+ Đô thị mới Mỹ Chánh: Quy hoạch xây dựng 01 đến 02 nghĩa trang chung cho toàn đô thị và vùng lân cận.

+ Đô thị mới Mỹ Thủy: Thực hiện theo đồ án Quy hoạch chung và Quy hoạch phân khu Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đã được phê duyệt và cấm mốc khoanh vùng nghĩa địa.

+ Khu vực nông thôn: Các nghĩa trang phân tán khu vực nông thôn, không đủ khoảng cách ly theo quy chuẩn, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch ngừng hung táng, trồng cây xanh cách ly. Sử dụng nghĩa trang theo quy hoạch nông thôn mới đề xuất.

*l. Định hướng phát triển hệ thống thủy lợi*

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại hóa, đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch thủy lợi, kết hợp thủy lợi với giao thông nội đồng.

- Tu bổ, nâng cấp, xây dựng mới các công trình tiêu thoát lũ nhằm đảm bảo tiêu thoát lũ nhanh, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do mưa lũ gây ra. Tập trung củng cố, xây dựng, nâng cấp hệ thống kè sông, đê sông, đảm bảo mức tối thiểu chống được gió bão cấp 10 và ứng với tần suất ngập lũ 10%.

- Bảo đảm an toàn cho các hồ chứa nước, đặc biệt các hồ chứa phía hạ du là các khu dân cư, khu công nghiệp, cơ sở văn hóa - kinh tế - chính trị và các công trình quan trọng. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp, nâng cao hiệu suất phục vụ các trạm bơm tưới tiêu. Tiếp tục kiên cố hóa hệ thống kênh mương, phấn đấu đến 2035 hệ thống kênh mương nội đồng được bê tông hóa 100%.

- Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn nước, phát huy tối đa tiềm năng của các nguồn nước hiện có. Đáp ứng đủ nguồn nước cho sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, du lịch - dịch vụ và các ngành kinh tế khác.

- Quản lý và khai thác tốt các công trình tưới tiêu đảm bảo chủ động phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

- Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu.

- Đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch thủy lợi, kết hợp thủy lợi với giao thông nội đồng.

*m. Định hướng phát triển các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác*

Định hướng phát triển các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác phải đồng bộ với định hướng phát triển không gian vùng, đảm bảo tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và công nghiệp của huyện theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**6. Đánh giá môi trường chiến lược:**

Quá trình thực hiện quy hoạch sẽ có ảnh hưởng cả về mặt tích cực lẫn về mặt tiêu cực đến điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái và môi trường kinh tế xã hội. Vì vậy, cần thực hiện nghiêm túc các giải pháp về công nghệ, quản lý đồng thời với việc thực hiện các chính sách, giải pháp quy hoạch bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và giảm thiểu tác động bất lợi thì các tác động xấu sẽ giảm đáng kể về quy mô và phạm vi, đồng thời các tác động tích cực sẽ được phát huy.

*6.1. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật*

- Quy hoạch, xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh tại các đô thị, khu công nghiệp, các khu dân cư lớn, hướng tới đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy định.

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

- Sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất; đẩy nhanh tiến độ phủ xanh đất đồi núi trọc.

*6.2. Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường*

- Xây dựng các chính sách sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Kiểm soát lượng chất thải từ hoạt động công nghiệp, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Giám sát, bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên nước, các hệ sinh thái rừng.

- Có kế hoạch phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường.

**7. Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Đảm bảo tiến trình phát triển theo đồ án trong đó chú trọng vào danh mục để đảm bảo mục tiêu huyện Hải Lăng đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023, xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2026-2030.

- Đáp ứng được khả năng liên kết giữa các ngành, liên kết khu vực đô thị với nông thôn.

- Công trình trọng điểm cấp quốc gia và tỉnh, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế GRDP của vùng.

- Có hiệu quả và tác động tích cực đến kinh tế của tỉnh.

- Phát triển hợp lý và cân bằng giữa kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông

thôn, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Có khả năng cao trong việc huy động các nguồn vốn cần thiết dành cho dự án bao gồm cả khu vực tư nhân, trong nước và quốc tế.

### **8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:**

Được ban hành kèm theo, quy định cụ thể nguyên tắc phát triển, việc quản lý, kiểm soát không gian, kiến trúc và cảnh quan của khu vực đô thị và nông thôn, khu vực đặc thù... trong phạm vi đồ án quy hoạch vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Hải Lăng khoá VI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

*Nơi nhận:*

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- BTV Huyện ủy;
- UBND, BTT UBMT huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thế Quảng**